

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
ĐẾN	Số: 010350
	11-11-2012
Chuyển:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi (Cổ phần hóa) từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 698/QĐ-TCĐL ngày 28/12/2006 và Quyết định số 637/QĐ-TCĐL ngày 31/12/2007 của Tổng cục Trưởng Tổng cục du lịch. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022620 lần đầu ngày 28/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/9/2012.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 5 - 7 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Tạ Xuân Lai	Chủ tịch	Đại diện theo pháp luật
	Ông Đoàn Văn An	Phó chủ tịch	
	Ông Nguyễn Chung Trạch	Thành viên	
	Bà Trần Anh Thư	Thành viên	
	Ông Phạm Văn Chiến	Thành viên	Miễn nhiệm 29/6/2012
	Ông Nguyễn Hồng Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm 29/6/2012

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Chung Trạch	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Đề	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

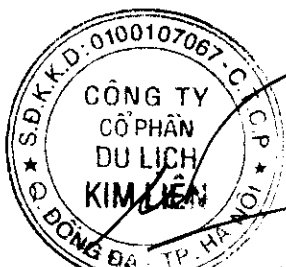
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Chung Trạch

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

ST
CC
OF
EM
ET
AV

Số: 200 /2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 15/3/2013 của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên (gọi tắt là "Công ty") trình bày từ trang 5 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 16 tháng 3 năm 2012 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Chi phí tiền thuê đất năm 2012 theo Theo thông báo Tạm thu tiền thuê đất năm 2012 tại Số 5 - 7 Đào Duy Anh của Chi cục thuế Quận Đống Đa là 32.971.650.000 VND, trong năm 2012 Công ty đã tạm nộp và hạch toán 7.007.367.855 VND. Chi phí thuê đất chính thức sẽ được xác định trên cơ sở diện tích, đơn giá thuê đất được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt chính thức.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của Hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Nguyễn Quý Dương**
Phó Tổng Giám đốcChứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV
Thay mặt và đại diện**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2013

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		77.908.872.635	96.406.916.524
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	64.947.608.409	81.114.019.930
1. Tiền	111		2.940.108.409	1.114.019.930
2. Các khoản tương đương tiền	112		62.007.500.000	80.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.830.120.874	8.775.451.648
1. Phải thu khách hàng	131		3.260.502.364	6.262.106.680
2. Trả trước cho người bán	132		631.665.935	1.401.858.488
5 Các khoản phải thu khác	135	5.2	5.954.257.575	1.111.486.480
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.305.000)	-
IV- Hàng tồn kho	140		1.606.960.976	1.408.813.124
1. Hàng tồn kho	141	5.3	1.606.960.976	1.408.813.124
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.524.182.376	5.108.631.822
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.413.048.397	5.033.631.822
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	25.133.979	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		86.000.000	75.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		37.558.707.267	42.408.025.346
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		36.125.391.772	38.636.527.277
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	35.662.608.785	24.112.778.387
- Nguyên giá	222		129.918.976.472	111.920.154.430
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(94.256.367.687)	(87.807.376.043)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	462.782.987	342.988.893
- Nguyên giá	228		692.150.000	397.150.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(229.367.013)	(54.161.107)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	-	14.180.759.997
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.433.315.495	3.771.498.069
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.433.315.495	3.771.498.069
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		115.467.579.902	138.814.941.870

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		21.083.948.078	35.998.094.410
I- Nợ ngắn hạn	310		19.917.406.918	33.858.101.916
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		4.365.946.422	5.339.437.470
3. Người mua trả tiền trước	313		879.040.000	739.805.486
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	5.211.353.327	3.423.809.766
5. Phải trả người lao động	315		6.484.758.509	4.310.970.338
6. Chi phí phải trả	316	5.11	730.215.336	419.814.444
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	600.755.911	18.800.275.154
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.645.337.413	823.989.258
II- Nợ dài hạn	330		1.166.541.160	2.139.992.494
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.166.541.160	1.198.466.160
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	195.415.201
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	746.111.133
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		94.383.631.824	102.816.847.460
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	94.383.631.824	102.816.847.460
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		69.571.530.000	58.959.970.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.907.483
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.029.772.340	5.895.997.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	2.287.343.980
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	4.523.548.959
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.782.329.484	31.148.080.038
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		115.467.579.902	138.814.941.870

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại - USD		635,84	643,54

Người lập

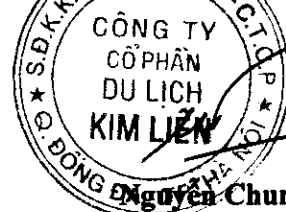
Nguyễn Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng

Phan Mạnh Hùng

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Chung Trạch

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

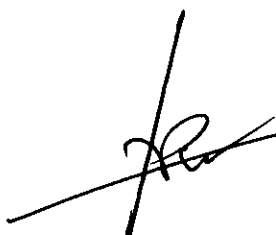
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	128.878.741.426	129.366.065.946
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		128.878.741.426	129.366.065.946
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	92.324.352.182	82.251.622.466
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		36.554.389.244	47.114.443.480
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	8.489.021.207	14.679.236.205
7. Chi phí tài chính	22	5.16	4.353.850	5.055.649
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		895.278.620	643.656.509
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.644.741.139	19.984.648.458
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		28.499.036.842	41.160.319.069
11. Thu nhập khác	31	5.17	60.983.263	109.572.245
12. Chi phí khác	32	5.17	58.408.497	1.247.478
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2.574.766	108.324.767
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		28.501.611.608	41.268.643.836
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	7.186.039.555	10.356.472.829
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		21.315.572.053	30.912.171.007
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	3.458	5.243

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Phan Mạnh Hùng

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Chung Trạch

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03 - DN

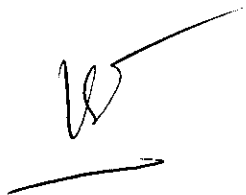
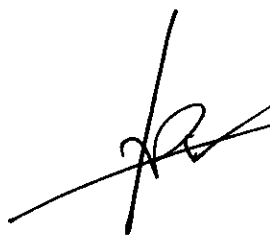
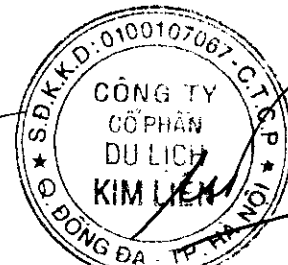
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		143.415.873.126	141.589.564.039
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(79.484.479.813)	(42.238.050.229)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(32.962.131.138)	(38.525.195.130)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(5.055.649)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(5.928.885.787)	(13.428.811.286)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.306.924.300	2.484.702.164
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.256.949.281)	(34.227.979.211)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.090.351.407	15.649.174.698
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.148.030.232)	(29.204.360.572)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		20.880.000	39.110.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(249.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		267.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.394.167.187	14.679.236.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.267.016.955	(14.486.014.367)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(42.521.872.400)	(11.733.682.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(42.521.872.400)	(11.733.682.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(16.164.504.038)	(10.570.522.269)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		81.114.019.930	91.682.634.716
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.907.483)	1.907.483
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.1	64.947.608.409	81.114.019.930

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013
Phó Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà

Phan Mạnh Hùng

Nguyễn Chung Trạch

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi (Cổ phần hóa) từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 698/QĐ-TCDL ngày 28/12/2006 và Quyết định số 637/QĐ-TCDL ngày 31/12/2007 của Tổng cục Trưởng Tổng cục du lịch. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022620 lần đầu ngày 28/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/9/2012 với mã số doanh nghiệp cấp lại là 0100107067.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 69.571.530.000 VND (Sáu mươi chín tỷ, năm trăm bảy mươi một triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.).

Trụ sở của Công ty đặt tại số 5-7 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Công ty đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô;
- Lữ hành quốc tế;
- Dịch vụ vui chơi giải trí thể dục thể thao;
- Kinh doanh hàng nông, lâm, thủy sản, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và vật liệu xây dựng, hàng điện máy, điện lạnh và các thiết bị điện tử tin học; Dịch vụ thương mại, dịch vụ chuyển giao công nghệ và các thiết bị khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực điện tử tin học;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng làm việc, nhà ở đối với cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước;
- Kinh doanh khách sạn, ăn uống, bán hàng lưu niệm (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường); Dịch vụ vận chuyển hành khách, phiên dịch, hướng dẫn du lịch, thông tin, văn hóa.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là cung cấp dịch vụ khách sạn, ăn uống, cho thuê tài sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

053
TY
AN
DÁ
AM
HI

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản**Thời gian khấu hao**

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ quản lý	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý***

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phân bổ ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

D.N
h
KI
VI
TUG

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH.**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	52.732.879	389.323.729
Tiền gửi ngân hàng	2.887.375.530	724.696.201
- Tiền VND	2.874.246.809	711.292.550
- Ngoại tệ	13.128.721	13.403.651
Các khoản tương đương tiền (*)	62.007.500.000	80.000.000.000
Tổng	64.947.608.409	81.114.019.930

(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền (Tiếp theo)

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		
<i>Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu</i>	45.000.000.000	74.000.000.000
<i>Ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	11.000.000.000	6.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	4.007.500.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	2.000.000.000	-
Tổng	62.007.500.000	80.000.000.000

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu CBCNV tiền thuế thu nhập cá nhân	46.325.134	318.474.503
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	5.680.630.000	616.319.446
Phải thu khác	227.302.441	176.692.531
Tổng	5.954.257.575	1.111.486.480

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.084.819.865	775.271.866
Công cụ, dụng cụ	299.606.907	429.511.733
Hàng hoá	222.534.204	204.029.525
Tổng	1.606.960.976	1.408.813.124

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.033.631.822	4.644.073.225
Tăng	2.895.663.449	7.039.628.111
Phân bổ vào chi phí trong năm	6.516.246.874	6.650.069.514
Các khoản thanh lý khác	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	1.413.048.397	5.033.631.822

5.5 Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế TNCN nộp thừa	25.133.979	-
Tổng	25.133.979	-

150
VG
DA
TC
NA
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2012	86.246.566.397	21.245.179.462	1.819.377.720	2.609.030.851	111.920.154.430
Tăng trong năm	16.998.827.269	436.252.273	-	563.742.500	17.998.822.042
Mua trong năm	-	436.252.273	-	563.742.500	999.994.773
Đầu tư XDCB hoàn thành	16.998.827.269	-	-	-	16.998.827.269
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	103.245.393.666	21.681.431.735	1.819.377.720	3.172.773.351	129.918.976.472
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	67.460.103.530	17.364.621.251	1.539.665.965	1.442.985.297	87.807.376.043
Tăng trong năm	4.477.483.429	1.310.204.314	124.316.328	536.987.573	6.448.991.644
Khấu hao trong năm	4.477.483.429	1.310.204.314	124.316.328	536.987.573	6.448.991.644
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	71.937.586.959	18.674.825.565	1.663.982.293	1.979.972.870	94.256.367.687
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	18.786.462.867	3.880.558.211	279.711.755	1.166.045.554	24.112.778.387
Tại 31/12/2012	31.307.806.707	3.006.606.170	155.395.427	1.192.800.481	35.662.608.785

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 57.274.669.416 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2012	397.150.000	397.150.000
Tăng trong năm	295.000.000	295.000.000
Mua trong năm	295.000.000	295.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2012	692.150.000	692.150.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2012	54.161.107	54.161.107
Tăng trong năm	175.205.906	175.205.906
Khấu hao trong năm	175.205.906	175.205.906
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2012	229.367.013	229.367.013
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2012	342.988.893	342.988.893
Tại 31/12/2012	462.782.987	462.782.987

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	14.180.759.997	-
Tăng	4.352.192.874	23.793.726.122
Kết chuyển tài sản cố định	18.532.952.871	9.612.966.125
Tại ngày 31 tháng 12	-	14.180.759.997
<i>Chi tiết theo nội dung</i>		
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công trình bể nước thải Hoa Sen 2	-	3.253.580.455
Công trình nâng tầng Hoa Sen 1	620.751.878	10.927.179.542
Tổng	620.751.878	14.180.759.997

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	3.771.498.069	73.298.608
Tăng trong năm	912.056.442	5.886.838.257
Giảm trong năm	3.250.239.016	2.188.638.796
<i>Trong đó: Phân bổ vào chi phí</i>	<i>3.250.239.016</i>	<i>2.188.638.796</i>
Tại ngày 31 tháng 12	1.433.315.495	3.771.498.069

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.433.315.495	3.771.498.069
Tổng	1.433.315.495	3.771.498.069

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.335.130.730	562.054.613
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.863.626.597	2.606.472.829
Thuế thu nhập cá nhân	12.596.000	244.794.324
Các loại thuế khác	-	10.488.000
Tổng	5.211.353.327	3.423.809.766

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	125.428.000	104.676.728
Chi phí hoa hồng dẫn khách bộ phận khách sạn	387.542.651	234.910.443
Chi phí hoa hồng dẫn khách bộ phận nhà hàng	144.517.412	7.500.000
Chi phí kiểm toán	72.727.273	72.727.273
Tổng	730.215.336	419.814.444

5.12 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	542.590
Kinh phí công đoàn	183.241.386	296.319.534
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	-	17.758.685.000
Tiền ăn trưa	259.740.000	298.365.000
Tiền giữ bảo hành công trình	157.774.525	322.718.530
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	123.644.500
Tổng	600.755.911	18.800.275.154

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu	18.709.370.388	15.855.680.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	36.473.683.747	30.910.450.000
Công ty Tài chính Bưu điện	4.654.970.194	3.944.960.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính BIDV	4.607.535.036	3.904.760.000
Vốn góp của đối tượng khác	5.125.970.636	4.344.120.000
Tổng	69.571.530.000	58.959.970.000

b. Giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia cổ tức phân phối lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	69.571.530.000	58.959.970.000
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	58.959.970.000	58.959.970.000
Vốn góp tăng trong năm	10.611.560.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	69.571.530.000	58.959.970.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.763.187.400	11.733.682.600

c. Cổ phiếu

	Năm 2012 Cổ phiếu	Năm 2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.957.153	5.895.997
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.957.153	5.895.997
Cổ phiếu phổ thông	6.957.153	5.895.997
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.957.153	5.895.997
Cổ phiếu phổ thông	6.957.153	5.895.997
Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu

310
 CÔNG
 TY CỔ
 PHẦN
 DU LỊCH
 KIM LIÊN
 CHẾ
 ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d. Biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	58.959.970.000	-	664.509	8.298.175.365	1.120.258.616	954.285.230	38.902.845.481	108.236.199.201
Tăng trong năm	-	-	7.282.461	1.167.085.364	1.167.085.364	3.569.263.729	30.912.171.007	36.822.887.925
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	30.912.171.007	30.912.171.007
Tăng khác	-	-	7.282.461	1.167.085.364	1.167.085.364	3.569.263.729	-	5.910.716.918
Giảm trong năm	-	-	6.039.487	3.569.263.729	-	-	38.666.936.450	42.242.239.666
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	29.479.985.000	29.479.985.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	8.169.597.551	8.169.597.551
Giảm khác	-	-	6.039.487	3.569.263.729	-	-	1.017.353.899	4.592.657.115
Số dư tại 31/12/2011	58.959.970.000	-	1.907.483	5.895.997.000	2.287.343.980	4.523.548.959	31.148.080.038	102.816.847.460
Số dư tại 01/01/2012	58.959.970.000	-	1.907.483	5.895.997.000	2.287.343.980	4.523.548.959	31.148.080.038	102.816.847.460
Tăng trong năm	10.611.560.000	-	-	-	934.442.401	-	21.315.572.053	32.861.574.454
Tăng vốn (*)	10.611.560.000	-	-	-	-	-	-	10.611.560.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	21.315.572.053	21.315.572.053
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	934.442.401	-	-	934.442.401
Giảm trong năm	-	-	1.907.483	2.866.224.660	3.221.786.381	4.523.548.959	30.681.322.607	41.294.790.090
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	24.763.187.400	24.763.187.400
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	5.918.135.207	5.918.135.207
Giảm do bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-	-	2.866.224.660	3.221.786.381	4.523.548.959	-	10.611.560.000
Giảm khác	-	-	1.907.483	-	-	-	-	1.907.483
Số dư tại 31/12/2012	69.571.530.000	-	-	3.029.772.340	-	-	21.782.329.484	94.383.631.824

(*): Việc tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu thông qua Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 29/6/2012. Công ty Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 18% vốn điều lệ (tương đương 10.611.560.000 VND) từ 3 quỹ : Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khác thuộc vốn đầu tư của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Dịch vụ phòng nghỉ	49.545.504.223	51.689.943.063
Dịch vụ ăn uống	58.659.481.463	56.590.166.878
Cho thuê văn phòng, địa điểm	14.081.773.910	14.920.887.085
Dịch vụ bể bơi	502.981.809	508.072.707
Dịch vụ giặt là	1.047.072.085	995.036.143
Dịch vụ khác (trông xe, điện thoại)	5.041.927.936	4.661.960.070
Tổng	128.878.741.426	129.366.065.946

5.15 Giá vốn về hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	92.324.352.182	82.251.622.466
Tổng	92.324.352.182	82.251.622.466

5.16 Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	8.489.021.207	14.679.236.205
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.465.821.741	14.679.236.205
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.337.579	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.861.887	-
Chi phí hoạt động tài chính	4.353.850	5.055.649
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.353.850	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	5.055.649
Lãi/(Lỗ) từ hoạt động tài chính	8.484.667.357	14.674.180.556

5.17 Thu nhập, chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác	60.983.263	109.572.245
Thanh lý tài sản, bán phế phẩm	18.981.818	35.554.545
Thu khác	42.001.445	74.017.700
Chi phí khác	58.408.497	1.247.478
Chi phí tiền phạt thuế	58.377.836	-
Chi khác	30.661	1.247.478
Lợi nhuận khác	2.574.766	108.324.767

370
ry
NH
JAN
iM
HA

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.18 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.501.611.608	41.268.643.836
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	244.408.497	157.247.478
<i>Khoản phạt thuế hạch toán vào chi phí</i>	<i>58.408.497</i>	<i>1.247.478</i>
<i>Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát không tham gia sản xuất kinh doanh</i>	<i>186.000.000</i>	<i>156.000.000</i>
<i>Lỗi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	1.861.887	-
<i>Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện</i>	<i>1.861.887</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	28.744.158.218	41.425.891.314
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.186.039.555	10.356.472.829

5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh	21.315.572.053	30.912.171.007
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>1.861.887</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.313.710.166	30.912.171.007
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	6.162.736	5.895.997
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	3.458	5.243

5.20 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ sản xuất	36.077.764.439	24.676.582.453
Chi phí nhân công	39.418.425.216	39.344.506.791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.624.197.550	4.463.142.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.450.852.171	20.863.168.804
Chi phí khác bằng tiền	21.355.894.912	9.994.521.433
Tổng	108.927.134.288	99.341.921.621

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**6.1 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Hội đồng Quản trị; Ban Giám đốc	Thù lao Hội đồng Quản trị & Ban kiểm soát; Lương Ban Giám đốc	1.255.719.955	1.260.000.000

6.3 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
<u>Tài sản tài chính</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.947.608.409	81.114.019.930
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.722.637.315	12.482.224.982
Tổng	75.670.245.724	93.596.244.912
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	19.474.692.742	34.838.474.480
Chi phí phải trả	730.215.336	419.814.444
Tổng	20.204.908.078	35.258.288.924

Công ty đã đánh giá nhưng chưa đầy đủ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	18.308.151.582	1.166.541.160	19.474.692.742
Chi phí phải trả	730.215.336	-	730.215.336
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	32.698.481.986	2.139.992.494	34.838.474.480
Chi phí phải trả	419.814.444	-	419.814.444

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

053)
IG TY
ĐAN
TOÁ
NAM
- TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

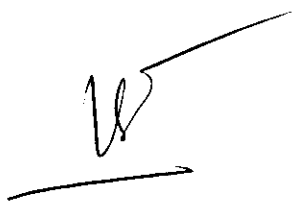
Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.947.608.409	-	64.947.608.409
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.722.637.315	-	10.722.637.315
			-
01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.114.019.930	-	81.114.019.930
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.482.224.982	-	12.482.224.982
			-

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2012 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Hà

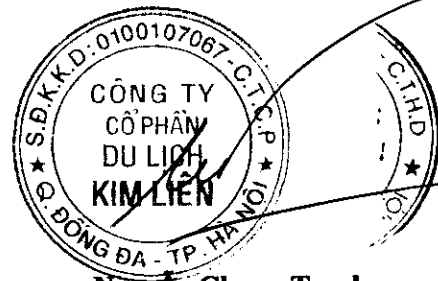
Kế toán trưởng



Phan Mạnh Hùng

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Chung Trạch